| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH CAO BẰNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 79/2025/HS-ST
Ngày 09-5-2025

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nông Biên Hòa.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đàm Đình Lập.

Ông Nguyễn Phương Nghĩa.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:*** Ông Linh Đức Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 85/2025/TLST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 364/2025/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Hoàng Văn Đ** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 30 tháng 10 năm 1991; tại xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Xóm N, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 07/12 phổ thông; Đảng, đoàn thể: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Hoàng Văn L, sinh năm 1963 và con bà Sầm Thị C (đã chết); gia đình có 05 anh em ruột, bị cáo là con thứ nhất; bị cáo có vợ là Trương Thị K, sinh năm 1993; bị cáo có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/12/2024 đến ngày 17/01/2025 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh; hiện nay đang tại ngoại tại nơi cư trú. (Có mặt).

2. Họ và tên: **Hoàng Văn H** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 03 tháng 7 năm 1987; tại xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Xóm T, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12 phổ thông; Đảng, đoàn thể: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Hoàng Văn D (đã chết) và con bà Hoàng Thị R, sinh năm 1965; gia đình

có 05 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ ba; có vợ là Hoàng Thị H1, sinh năm 1989; bị cáo có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2014 con nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/12/2024 đến ngày 26/3/2025 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh; hiện nay đang tại ngoại tại nơi cư trú. (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn Đ:* Bà Nông Thị Thu T – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C; Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn H:* Bà Hà Thị H2 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C; Có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Mông Văn P, sinh năm 1995; nơi cư trú: Xóm T, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

+ Ông Lương Văn Đ1, sinh năm 1996; nơi cư trú: Xóm T, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 00 giờ 30 phút ngày 10/12/2024, tổ công tác Công an huyện H, tỉnh Cao Bằng phối hợp Công an xã T, huyện H đang làm nhiệm vụ tại tại khu vực xóm L, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng phát hiện 04 xe mô tô chở theo người có dấu hiệu xuất nhập cảnh trái phép, gồm: Hoàng Văn H điều khiển xe máy Honda Wave Alpha màu vàng biển kiểm soát 11F7-2665 chở 01 người Trung Quốc, tên là Dương Vĩnh X, sinh năm 1986, trú tại thôn T, xã V, huyện K, thành phố B, tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc; Mông Văn P điều khiển xe máy Honda Wave RS màu xanh trắng biển kiểm soát 11S1-005.15 chở 01 người Trung Quốc, tên là Cát Nhĩ Thứ N, sinh năm 1999, trú tại Tổ C, thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc; Lương Văn Đ1 điều khiển xe máy Honda Wave Alpha màu xanh biển kiểm soát 11H1-140.07 chở theo 01 người Trung Quốc, tên là Lâm Thăng H3, sinh năm 2001, trú tại thôn T, trấn K, thành phố L, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc; Hoàng Văn Đ đi xe máy Honda Wave RSX màu đỏ đen biển kiểm soát 11H1-279.61 đi sau cùng chở theo 01 người Trung Quốc, nhưng khi gặp tổ công tác người Trung Quốc chạy thoát lên núi. Cả nhóm người này không xuất trình được giấy tờ xuất nhập cảnh hợp pháp, nên tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang theo quy định để tiếp tục điều tra làm rõ.

*Quá trình điều tra xác định được như sau:* Hoàng Văn Đ thường bốc vác, vận chuyển hàng hóa tại khu vực biên giới nên quen biết một người đàn ông Trung Quốc tên là "Chú" (không rõ lai lịch, nơi ở cụ thể), hai người kết bạn qua mạng xã hội Wechat để tiện việc liên lạc. Khoảng 14 giờ 30, ngày 09/12/2024, "Chú" sử dụng tài khoản Wechat "777" để trao đổi với Đ, "Chú" nói hiện nay có một

người Việt Nam đang tìm người để đón và đưa 04 người Trung Quốc đến khu vực mốc biên giới 706 để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, "Chú" hứa trả tiền công là 5.000.000đồng/01 người, sau khi đưa người trót lọt sẽ liên lạc qua Wechat để nhận tiền công, Đ đồng ý. Nên "Chú" gửi tài khoản Wechat của N1 (tên tài khoản bằng chữ Trung Quốc) để Đ tự liên lạc khi đi đón người. Sau khi kết bạn với người Việt Nam qua tài khoản W, người này thông báo cho Đ biết: Khoảng 22 giờ ngày 09/12/2024 sẽ đưa 04 người Trung Quốc đến thị trấn X, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Nên khoảng 19 giờ cùng ngày, Đ liên lạc với Hoàng Văn H qua mạng xã hội W và nói với H cùng đi chở 04 người Trung Quốc đến mốc 706 để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, nếu trót lọt sẽ được trả tiền công 5.000.000đồng/01 người, tiền công sẽ chia đôi, Đ nói với H tìm thêm 02 người nữa để giúp chở, Hòa đồng Ý, nên H gọi điện rủ thêm Mông Văn P và Lương Văn Đ1 cùng trú tại xóm T Trên, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng, H chỉ nói cho P, Lương Văn Đ1 biết là: Tối nay đi chở "hàng", nhưng không nói cụ thể là "hàng" gì, đưa đi đâu, mà chỉ nói là đi theo H, sẽ được trả tiền công, nhưng H cũng không nói là được trả bao nhiêu tiền, nhưng P với Lương Văn Đ1 đồng ý. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, người Việt Nam thông báo cho Đ1 biết 04 người Trung Quốc đã đến nơi hẹn và gửi định vị vị trí cho Đ1 đến đón người tại thị trấn X, huyện H. Sau đó, Đ1 điều khiển xe máy biển kiểm soát 11H1-279.61 từ nhà đi đến vị trí đón người, khi đến nơi thấy 04 người Trung Quốc đang chờ, Đ1 gọi H đến cùng chở người, H điều khiển xe máy mang biển kiểm soát 11F7-2665, P điều khiển xe máy mang biển kiểm soát 11S1-005.15, Lương Văn Đ1 điều khiển xe máy mang biển kiểm soát 11H1-140.07 cùng đi đến chỗ Hoàng Văn Đ đang chờ tại một ngã ba sau Huyện uỷ huyện H. Khi đến nơi, P và Lương Văn Đ1 mới biết "hàng" H nói lúc gọi điện là người Trung Quốc. Sau đó mỗi người Trung Quốc ngồi lên 01 xe máy, H điều khiển xe đi trước, P và Lương Văn Đ1 đi theo sau, Hoàng Văn Đ đi cuối cùng. Khi 04 người điều khiển xe máy chở theo 04 người Trung Quốc ngồi sau đang di chuyển đến xóm L, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng thì bị lực lượng chức năng phát hiện lập biên bản phạm pháp quả tang.

Tại bản Cáo trạng số: 24/CT-VKSCB-P1 ngày 26/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn H về tội: "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép" theo khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên và thừa nhận bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo là đúng với hành vi đã thực hiện.

Kết thúc việc hỏi tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội: Vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn H về tội: "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép" theo khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

*Về tội danh*: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn H phạm tội: *"Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép"*.

*Về hình phạt:* Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với cả 02 bị cáo: xử phạt bị cáo Hoàng Văn Đ từ 30-36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng; bị cáo Hoàng Văn H từ 24 - 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 – 60 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

*Về xử lý vật chứng:* Tịch thu hóa giá lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước đối với 02 điện thoại, 02 xe mô tô thu giữ của các bị cáo là công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội.

*Về án phí*: Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

*Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn Đ, bà Nông Thị Thu T trình bày:* Nhất trí với cáo trạng truy tố và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến: Nhân thân tốt, là người dân tộc thiểu số, sinh ra và lớn lên ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn; văn hóa 7/12 nhận thức pháp luật hạn chế. Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội do nhận thức pháp luật không lường hết được hậu quả thực hiện, thực hiện hành vi để hưởng lợi về kinh tế không có mục đích khác. Về tính chất, mức độ phạm tội, không phải là chủ mưu chỉ là người làm thuê, hành vi đã được ngăn chặn chưa nhận được tiền công. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; áp dụng Điều 57 phạm tội chưa đạt và áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, xử bị cáo mức án thấp nhất VKS đề nghị. Về án phí: bị cáo có đơn xin Miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo.

*Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn H, bà Hà Thị H2 trình bày:* Nhất trí với cáo trạng truy tố và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, do bị cáo Đ rủ rê, mục đích thực hiện hành vi là để hưởng lợi về kinh tế; bị cáo có nhân thân tốt, là người dân tộc thiểu số, sinh ra và lớn lên ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo, là lao động chính trong gia đình, có 04 con đều còn nhỏ; do không có việc làm ổn định, muốn hưởng lợi về kinh tế. Về vai trò, không phải là chủ mưu, do Đ rủ rê, chưa được hưởng lợi; bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; áp dụng Điều 57 phạm tội chưa đạt và áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, xử bị cáo mức án thấp nhất VKS đề nghị. Về án phí: bị cáo có đơn xin Miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo.

Cả 02 bị cáo không có lời bào chữa bổ sung, không có ý kiến tranh luận.

Viện kiểm sát đối đáp phần tranh luận, vẫn giữ nguyên quan điểm như đề nghị tại phần luận tội.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đều tỏ ra ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng

xét xử giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến, hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp nhau về quá trình trao đổi, di chuyển đón đưa người xuất cảnh trái phép cho đến khi bị bắt về thời gian, địa điểm, số lượng người; phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang do lực lượng chức năng lập hồi 00 giờ 40 phút ngày 10/12/2024 tại địa phận xóm L, xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Lời khai của người làm chứng Mông Văn P, Lương Văn Đ1; Lời khai của 03 công dân Trung Quốc xuất cảnh trái phép; Trích xuất dữ liệu điện tử từ chiếc điện thoại thu giữ của các bị cáo thể hiện nội dung liên quan đến hành vi các bị cáo thực hiện cùng với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Xét các tài liệu chứng cứ phù hợp nhau về thời gian, địa điểm, mục đích thực hiện hành vi; các tài liệu chứng cứ được thu thập khách quan, đúng trình tự thủ tục tố tụng. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận: Do quen biết nhau từ trước, khoảng 14 giờ 30 ngày 09/12/2024, người đàn ông Trung Quốc tên "Chú" gọi qua Wechat "777" thuê Hoàng Văn Đ đón 04 người Trung Quốc đưa đến khu vực mốc biên giới 706 để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, tiền công là 5.000.000đồng/01 người, sau khi đưa người trót lọt sẽ liên lạc để nhận tiền công, Đ đồng ý. Khoảng 19 giờ cùng ngày, Đ gọi điện thoại rủ Hoàng Văn H cùng thực hiện, khi nhận được tiền công sẽ chia đôi, Hòa đồng Ý, Đ còn bảo H gọi thêm 02 người nữa để giúp chở. Khoảng 23 giờ cùng ngày, Hoàng Văn Đ đi xe máy đến nơi hẹn tại thị trấn X, H thì thấy 04 người Trung Quốc đang chờ, một lúc sau H cùng P, Lương Văn Đ1 đi xe máy đến, sau đó mỗi người chở 01 người Trung Quốc, khi cả 04 xe máy đang di chuyển đến xóm L, xã T, huyện H thì bị phát hiện bắt quả tang. Như vậy Hoàng Văn Đ phải chịu trách nhiệm Tổ chức cho 04 người xuất cảnh trái phép, Hoàng Văn H chịu trách nhiệm 03 người.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi để nhận thức được việc đón đưa người xuất cảnh trái phép là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, vì mục đích hám lợi các bị cáo đã bất chấp thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, mục đích là để đưa người Trung Quốc xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Hành vi này đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái

phép" quy định tại Khoản 1 Điều 348 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Việc các bị cáo nhận đón đưa công dân Trung Quốc xuất cảnh trái phép không có sự kiểm soát của các cơ quan chức năng tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các loại tội phạm cũng như làm phát sinh nhiều vấn đề an ninh trật tự phức tạp và làm ảnh hưởng đến sự chỉ đạo của các ngành các cấp về ngăn chặn, đấu tranh đối với các hành vi xuất, nhập cảnh qua biên giới.

Việc đưa các bị cáo ra truy tố, xét xử trước pháp luật là cần thiết, nhằm mục đích răn đe giáo dục riêng đối với các bị cáo cũng như phục vụ công tác đấu tranh chống tội phạm và phòng ngừa chung cho xã hội.

Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội với vai trò chỉ là người làm thuê, giúp sức; các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn; bị cáo Đ là người khởi xướng trực tiếp liên hệ việc đón đưa người và rủ rê bị cáo Hoàng Văn H; cả 02 bị cáo với vai trò đều là người thực hành trực tiếp đón đưa người xuất cảnh trái phép; bị cáo Hoàng Văn Đ phải chịu trách nhiệm tổ chức cho 04 người xuất cảnh trái phép, Hoàng Văn H chịu trách nhiệm 03 người. Do vậy, khi lượng hình bị cáo Đ phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo H.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

*Về nhân thân*: Các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; trong quá trình sinh sống tại địa phương, luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú (có xác nhận của chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú); bị cáo H gia đình thuộc hộ nghèo; các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình, có các con còn nhỏ.

*Về tình tiết tăng nặng:* Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

*Về tình tiết giảm nhẹ:* Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên cả 02 bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi phạm tội; vai trò, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú rõ ràng. Đối chiếu với quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán nhân dân tối cao và Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân

dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo, nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn H ra khỏi xã hội chỉ cần giao cả 02 bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú, giám sát và giáo dục cũng đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

Xét mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị đối với các bị cáo là có căn cứ cần xem xét chấp nhận.

Xét ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo hưởng mức án thấp Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc xem xét quyết định.

[4] Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm"*. Hội đồng xét xử thấy các bị cáo không có nghề nghiệp thu nhập ổn định, chưa được hưởng lợi từ hành vi phạm tội nên không cần thiết áp dụng một trong các hình phạt bổ sung trên đối với các bị cáo.

[5] Việc xử lý vật chứng: Quan điểm xử lý vật chứng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[6] Về các vấn đề khác:

Trong vụ án này có người đàn ông Trung Quốc tên "Chú" và người Việt Nam có tài khoản Wechat bằng tiếng Trung Quốc thuê Hoàng Văn Đ đón, đưa người xuất cảnh trái phép, nhưng ngoài lời khai Đ ra không có thêm thông tin, tài liệu khác nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để tương trợ tư pháp và mở rộng điều tra vụ án.

Đối với Lương Văn Đ1 và Nông Văn P1 kết quả điều tra xác định được các đối tượng này được H rủ đi chở hàng, nhưng không biết hàng gì, chở đi đâu, làm gì và được trả công bao nhiêu tiền, quá trình điều tra không có thêm tài liệu nào khác chứng minh Lương Văn Đ1 và P1 biết việc những người được chở là để xuất cảnh trái phép. Do đó Cơ quan điều tra không xử lý đối với Lương Văn Đ1 và Nông Văn P1 là có căn cứ.

Đối với các công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh C đã xử phạt vi phạm hành chính và trục xuất về nước theo quy định.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí: Các bị cáo Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn H là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc diện được trợ giúp pháp lý miễn phí và tại phiên tòa có đơn xin miễn án phí. Xét thấy yêu cầu của các bị cáo là có căn cứ và phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận miễn án phí cho các bị cáo.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Tuyên bố:**

Các bị cáo Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn H phạm tội "*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*".

Căn cứ Khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn H; xử phạt:

+ Bị cáo Hoàng Văn Đ **30** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **60** tháng, thời gian thử thách tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 09/5/2025. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

+ Bị cáo Hoàng Văn H **24** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **48** tháng, thời gian thử thách tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 09/5/2025. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

**2. Xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước số tài sản đối với các bị cáo:

- *Bị cáo Hoàng Văn Đ:*

+ 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát: 11H1-279.61, loại xe: Hai bánh từ 50-175 cm3, nhãn hiệu: HONDA, số loại: WAVE RSX FI, màu sơn: Đỏ Đen; số máy: JA52E0304541, số khung: RLHJA3839MY116547, dung tích xi lanh: 109 cm³, số chỗ ngồi: 2, năm sản xuất: 2021, xe đã qua sử dụng, vỏ xe có nhiều vết xước đã cũ, (có 01 chìa khóa xe kèm theo). Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh C thu giữ giấy đăng ký của xe mô tô nói trên.

Qua kiểm tra số khung, số máy thực tế của xe trùng khớp với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 16/12/2024 của Phòng C1 - Công an tỉnh C.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO được niêm phong trong 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi "Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO của Hoàng Văn Đ". Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia và đóng giáp lai dấu hình tròn mực đỏ của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh C.

- *Bị cáo Hoàng Văn H:*

+ 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát: 11F7-2665, loại xe: Hai bánh từ 50-175 cm3, nhãn hiệu: HONDA, số loại: WAVE RS KTLN, màu sơn: Vàng Đen

Bạc; số máy: HC09E6403318, số khung: RLHHC09036Y403235, dung tích xi lanh: 97 cm³, số chỗ ngồi: 2, năm sản xuất: 2006, xe đã qua sử dụng, không có yếm và gương chiếu hậu, vỏ xe có nhiều vết xước đã cũ, (có 01 chìa khóa xe kèm theo). Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh C thu giữ giấy đăng ký của xe mô tô nói trên.

Qua kiểm tra số khung, số máy thực tế của xe trùng khớp với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 16/12/2024 của Phòng C1 - Công an tỉnh C.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi được niêm phong trong 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi "Điện thoại di động nhãn hiệu Redmi của Hoàng Văn H". Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia và đóng giáp lai dấu hình tròn mực đỏ của Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh C.

*Xác nhận toàn bộ vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 77 ngày 09/4/2025.*

**3. Về án phí:** Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Các bị cáo Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn H được miễn án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

**4. Về quyền kháng cáo:** Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Cục THA dân sự tỉnh Cao Bằng;
- CQANĐT-CA tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh;
- Phòng TT, KT&THA;
- Người TGTT;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu THS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Nông Biên Hòa**